

Bản án số: 42/2019/HS-ST

Ngày 11-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Tộ.

Ông Lê Mạnh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Như Nghiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 05 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 06 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/HSST-QĐ ngày 01/7/2019, đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn T, sinh năm 1967 tại xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn K, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; vợ là Nguyễn Thị A và có 03 con chung, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 28/2016/HSST ngày 13/05/2016 của Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; bị tạm giữ từ 02/02/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/02/2019. Có mặt.

2. Nguyễn Xuân C, sinh năm 1983 tại xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn K, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân S và bà Đỗ Thị T; vợ là Nguyễn Thị T1 và có 03 con chung, lớn

nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 02/02/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/02/2019. *Có mặt.*

3. Nguyễn Bá Y, sinh năm 1991 tại xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn K, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá B và bà Trần Thị M; vợ là Lê Thị N và có 02 con chung, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 02/02/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/02/2019. *Có mặt.*

4. Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1960 tại xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn K, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị M; vợ là Nguyễn Thị N và có 05 con chung, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 02/02/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/02/2019. *Có mặt.*

5. Trương Hải Đ, sinh năm 1984 tại xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn K, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đắc T và bà Nguyễn Thị T2; vợ là Lê Thị Ngọc N và có 02 con chung, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 02/02/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/02/2019. *Có mặt.*

6. Nguyễn Khắc N, sinh năm 1982 tại xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn K, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc K và bà Nguyễn Thị H; vợ là Lưu Thị Thu H và có 02 con chung, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 02/02/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/02/2019. *Có mặt.*

7. Lê Văn P (tên gọi khác là **B**), sinh năm 1976 tại xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn K, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Ng và bà Nguyễn Thị T3; vợ là Dương Ngọc A và có 02 con chung, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 02/02/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/02/2019. *Có mặt.*

8. Nguyễn Bá K, sinh năm 1977 tại xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn K, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá D và bà Nguyễn Thị H1; vợ là Vũ Thị H và có 02 con chung, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 02/02/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/02/2019. *Có mặt.*

9. Nguyễn Xuân B, sinh năm 1979 tại xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn K, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân B1 và bà Trần Thị H; vợ là Bùi Thị N và có 01 con chung, sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 02/02/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/02/2019. *Có mặt.*

10. Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1988 tại xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn K, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị T4; vợ là Bùi Thị U và có 01 con chung, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 02/02/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/02/2019. *Có mặt.*

11. Nguyễn Trọng B, sinh năm 1970 tại xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn K, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị M2; vợ là Nguyễn Thị Đ và có 05 con chung, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 02/02/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/02/2019. *Có mặt.*

12. Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác là **B1**), sinh năm 1980 tại xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn K, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Th; vợ là Nguyễn H và có 03 con chung, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 02/02/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/02/2019. *Có mặt.*

13. Nguyễn Xuân T, sinh năm 1989 tại xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Tổ 5, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Ph và bà Nguyễn Thị O; vợ là Lò Thị L và có 01 con chung,

sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 02/02/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/02/2019. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/02/2019, Công an huyện M bắt quả tang tại nhà ở của Đỗ Văn T, sinh năm 1967 ở Thôn K, xã A, huyện M các đối tượng: Trương Hải Đ, sinh năm 1984; Nguyễn Bá K, sinh năm 1977; Nguyễn Xuân B, sinh năm 1979; Nguyễn Trọng B, sinh năm 1970; Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1980; Lê Văn P, sinh năm 1976; Nguyễn Xuân C, sinh năm 1983; Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1960; Nguyễn Bá Y, sinh năm 1991; Nguyễn Khắc N, sinh năm 1982; Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1988 đều trú tại Thôn K, xã A và Nguyễn Xuân T, sinh năm 1989, trú tại Tổ 5, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa.

Tang vật thu giữ tại chiếu bạc gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị và số tiền thu trên chiếu 27.000.000 đồng; thu giữ trên người các đối tượng là 40.220.000 đồng. Trong đó: Nguyễn Xuân C 6.050.000 đồng, Nguyễn Xuân Th 1.560.000 đồng, Nguyễn Đức K 2.000.000 đồng, Nguyễn Khắc N 21.000.000 đồng, Nguyễn Xuân Đ 390.000 đồng, Nguyễn Trọng B 230.000 đồng, Nguyễn Văn Bắc 210.000 đồng, Nguyễn Bá Y 4.200.000 đồng, Lê Văn P 1.400.000 đồng, Nguyễn Xuân T 120.000 đồng, Trương Hải Đ 2.450.000 đồng, Nguyễn Bá K 300.000 đồng, Nguyễn Thị A 230.000 đồng và Nguyễn Xuân S 80.000 đồng. Tổng là: 67.220.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra các bị can khai nhận:

Khoảng 12 giờ ngày 02/02/2019, Lê Văn P đến nhà Đỗ Văn T chơi, một lúc sau có Nguyễn Khắc N và Nguyễn Xuân C đều ở Thôn K cũng đến. Các đối tượng ngồi uống nước rồi rủ nhau đánh bạc bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa. Đỗ Văn T là người chuẩn bị bát, đĩa, P là người cắt 04 quân bài hình tròn, sau đó P là người trực tiếp xóc cái. Các đối tượng quy ước: Người chơi sẽ đặt tiền và đoán số quân bài chẵn-lẻ. Khi mở bát, nếu có 2 quân bài trắng và 2 quân bài xanh hoặc 4 quân trắng hoặc 4 quân xanh thì ván bài đó gọi là chẵn, nếu có 3 quân trắng, 01 quân xanh hoặc 3 quân xanh, 01 quân trắng thì gọi là lẻ; ai đoán đúng sẽ được gấp đôi, ai đoán sai sẽ bị mất số tiền đã đặt cửa. P, N và C chơi được một lúc thì có Trương Hải Đ, Nguyễn Bá K, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Bá Y, Nguyễn Xuân Đ và Nguyễn Xuân T vào tham gia đánh bạc cùng. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực công an bắt quả tang.

- Đỗ Văn T khai: Khoảng 12 giờ ngày 02/02/2018, Đỗ Văn T đã sử dụng nhà ở do mình quản lý cho các con bạc tham gia đánh bạc và thu tiền phé của P, N, Th và Nguyễn Ngọc B mỗi người 50.000 đồng và của Đ 100.000 đồng. Tổng cộng số tiền Đỗ Văn T đã thu lời bất chính là 300.000 đồng; bản thân Đỗ

Văn T không tham gia đánh bạc. Nguyễn Thị A là vợ của Đỗ Văn T không có nhà, khi về nhà thì thấy nhiều người đang đánh bạc tại nhà mình nên đã ngăn cản Đỗ Văn T nhưng không được.

- Nguyễn Xuân C khai: Khi đi đánh bạc mang theo 6.150.000 đồng, bỏ ra 100.000 đồng để chơi, khi bị Công an bắt, Cao chơi thua 100.000 đồng và 6.050.000 đồng trên người.

- Nguyễn Bá Y khai: Khi đi đánh bạc mang theo 4.600.000 đồng, chơi thua hết 400.000 đồng, số tiền còn lại 4.200.000 đồng đã bị Công an thu giữ.

- Nguyễn Xuân Th khai: Khi đi đánh bạc mang theo 3.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền trên vào việc đánh bạc, khi bị bắt Th chơi thua còn 1.560.000 đồng cất trên người đã bị Công an thu giữ. Khi vào chơi Th nộp cho Đỗ Văn T 50.000 đồng tiền phé.

- Trương Hải Đ khai: Khi đi đánh bạc mang theo 2.450.000 đồng, Đường sử dụng toàn bộ để đánh bạc, chơi không được, không thua, khi bị bắt Đ vẫn còn số tiền trên Đ đã bị Công an thu giữ. Khi vào chơi Đ nộp cho Đỗ Văn T 100.000 đồng tiền phé.

- Nguyễn Khắc N khai: Khi đi đánh bạc mang theo 23.000.000 đồng, Nguyễn Khắc N bỏ ra 2.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt Nguyễn Khắc N đã thua hết 2.000.000 đồng, còn 21.000.000 đồng để trên người đã bị Công an thu giữ. Nguyễn Khắc N khai số tiền 21.000.000 đồng trên là tiền để thanh toán tiền công thợ xây nhưng chưa kịp thanh toán mang theo trên người vào tham gia đánh bạc thì bị bắt và bị thu giữ. Khi vào đánh bạc Nguyễn Khắc N nộp phé cho Đỗ Văn T 50.000 đồng.

- Lê Văn P khai: Khi đi đánh bạc P mang theo 1.400.000 đồng sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc, khi bị bắt P đánh hoà không được, không thua, Công an đã thu giữ của P 1.400.000 đồng. Khi đến đánh bạc P nộp cho Tư là chủ nhà 50.000 đồng tiền phé.

- Nguyễn Bá K khai: Khi đi đánh bạc mang theo 900.000 đồng để đánh bạc, chơi thua hết 600.000 đồng, khi bị bắt còn lại 300.000 đồng đã bị Công an thu giữ.

- Nguyễn Xuân B khai: Khi đi đánh bạc mang theo 650.000 đồng chơi thua hết số tiền trên thì không chơi nữa đang ngồi xem thì bị Công an đến bắt.

- Nguyễn Xuân Đ khai: Khi đi mang theo 450.000 đồng, và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi bị bắt Đông còn số tiền 390.000 đồng, bị Công an thu giữ.

- Nguyễn Trọng B khai: Khi đi đánh bạc mang theo 380.000 đồng, đánh thua 150.000 đồng, khi bị bắt còn lại 230.000 đồng, đã bị Công an thu giữ.

- Nguyễn Ngọc B khai: Khi đi đánh bạc Nguyễn Ngọc B mang theo 210.000 đồng, chơi không được, không thua, khi bị bắt Nguyễn Ngọc B vẫn còn số tiền trên và đã bị Công an thu giữ. Khi vào chơi Nguyễn Ngọc B nộp cho Đỗ Văn T chủ nhà 50.000 đồng tiền phé.

- Nguyễn Xuân T khai: Khi đi đánh bạc mang theo 170.000 đồng chơi thua hết 50.000 đồng còn lại 120.000 đồng thì bị bắt, Công an thu giữ.

Cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 02/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố: Nguyễn Xuân C, Nguyễn Bá Y, Nguyễn Xuân Th, Trương Hải Đ, Nguyễn Khắc N, Lê Văn P, Nguyễn Bá K, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Ngọc B và Nguyễn Xuân T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; truy tố Đỗ Văn T về tội “Gá bạc” theo quy định tại các Điểm a, b Khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Xuân C khai chỉ sử dụng 100.000 đồng, Nguyễn Bá Y khai chỉ sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc; các bị cáo khác khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M căn cứ kết quả xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 319 Bộ luật tố tụng Hình sự rút truy tố số tiền sử dụng vào việc đánh bạc 6.050.000 đồng đối với Nguyễn Xuân C và 4.200.000 đồng đối với Nguyễn Bá Y, các nội dung truy tố khác giữ nguyên và đề nghị áp dụng:

- Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điểm a, b Khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Văn T, xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ.

- Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65; Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với Lê Văn P, xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng.

- Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 36; Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Xuân Th, Trương Hải Đ, Nguyễn Khắc N, xử phạt mỗi bị cáo từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

- Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36; Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Xuân C, Nguyễn Bá Y, Nguyễn Bá K, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Ngọc B, xử phạt mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 35; Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Xuân T, xử phạt bị cáo 20 triệu đồng.

- Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều là nông dân hoặc lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, trả lại Nguyễn Xuân C 6.050.000 đồng, trả lại Nguyễn Bá Y 4.200.000 đồng; buộc Đỗ Văn T phải nộp sung quỹ Nhà nước 300.000 đồng tiền thu lời bất chính; tịch thu sung quỹ Nhà nước 33.660.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Tịch thu để hủy 01 bát, 01 đĩa sứ và 04 quần vớ cắt tròn.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an HUYỆN M và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện M và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và những người có liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại. Có đủ căn cứ xác định, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, biên bản phạm pháp quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 02/02/2019, Đỗ Văn T đã sử dụng nhà ở của mình tại Thôn K, xã A, huyện M cho các đối tượng Trương Hải Đ, Nguyễn Bá K, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Ngọc B, Lê Văn P, Nguyễn Xuân C, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Bá Y, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Xuân Đ đều trú tại Thôn K và Nguyễn Xuân T trú tại Tổ 5, phường Y, quận H đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa.

Tổng số tiền các bị cáo khai nhận sử dụng để đánh bạc là 12.160.000 đồng, tuy nhiên các bị cáo đều thừa nhận số tiền 27.000.000 đồng thu giữ trên chiếu là của những người đánh bạc và được sử dụng vào việc đánh bạc; ngoài ra số tiền thu trên người của Nguyễn Xuân Th, Trương Hải Đ, Lê Văn P, Nguyễn Bá K, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Xuân T cũng sẽ được sử dụng vào mục đích đánh bạc, vì vậy có căn cứ xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 33.660.000 đồng; Đỗ Văn T không đánh bạc, thu lời bất chính là 300.000 đồng.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên Trương Hải Đ, Nguyễn Bá K, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Ngọc B, Lê Văn P, Nguyễn Xuân C, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Bá Y, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Xuân Đ và Nguyễn Xuân T đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Đỗ Văn T đã phạm vào tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tính chất hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá mới. Xét thấy cần phải xử lý nghiêm thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; trừ Đỗ Văn T thì các bị cáo còn lại đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên có căn cứ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt theo quy định tại các Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Trương Hải Đ, Nguyễn Bá K, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Ngọc B, Lê Văn P, Nguyễn Xuân C, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Bá Y, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Xuân T và áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Văn T. Ngoài ra áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với ba bị cáo là Đỗ Văn T, Nguyễn Bá K do đều có bố đẻ và Lê Văn P do có mẹ đẻ, được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến.

Xét thấy, trừ Đỗ Văn T, các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần phạt tiền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Xuân T, Nguyễn Xuân C; phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Trương Hải Đ, Nguyễn Bá K, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Bá Y, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Xuân Đ và phạt tù cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Lê Văn P cũng phù hợp với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội đã thực hiện, đủ khả năng để họ tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Xem xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy:

Đỗ Văn T và Lê Văn P có vai trò chính, trong đó Đỗ Văn T sử dụng nhà ở của mình, đồng thời chuẩn bị bát, đĩa để cho các đối tượng thực hiện được hành vi đánh bạc, ngoài ra Đỗ Văn T còn thu tiền phé của 5 đối tượng đánh bạc; P trực tiếp cất quân vị và là đối tượng xóc cái. Do đó xác định hành vi của T và P có tính chất tư lợi, tính được thua cũng như tính nguy hiểm lớn hơn, phải chịu hình phạt ở mức cao và nghiêm khắc hơn các bị cáo khác.

Trong số các đối tượng đánh bạc thì Trương Hải Đ, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Khắc N có số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc nhiều nhất nên phải chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo Nguyễn Bá K, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Xuân C, Nguyễn Bá Y, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Xuân T.

[4] Về việc khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều làm ruộng hoặc lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ một phần thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về tang vật chứng:

Số tiền 6.050.000 đồng của Nguyễn Xuân C và 4.200.000 đồng của Nguyễn Bá Y không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho Nguyễn Xuân C và Nguyễn Bá Y theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Số tiền 33.660.000 đồng còn lại thu giữ của các bị cáo là tiền dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các vật chứng khác gồm 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân bài bằng giấy cắt tròn là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với Nguyễn Đức K và Nguyễn Xuân S có mặt tại thời điểm bắt quả tang nhưng không tham gia đánh bạc nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thị A là vợ của Đỗ Văn T chủ nhà, sau khi về nhà biết việc các con bạc đang đánh bạc tại nhà mình đã có hành động ngăn cản đối với Tư nhưng không có kết quả, bản thân chị Anh không được hưởng lợi gì về việc này nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

Đối với số tiền 21.000.000 đồng thu giữ trên người Nguyễn Khắc N, quá trình điều tra đã xác định là tiền Nghĩa sử dụng để trả tiền công thợ xây mà không sử dụng vào việc đánh bạc và số tiền 2.000.000 đồng thu trên người anh Nguyễn Đức K; 230.000 đồng thu trên người Nguyễn Thị A và 80.000 đồng thu trên người Nguyễn Xuân S, bản thân Nguyễn Đức K và Nguyễn Xuân S và Nguyễn Thị A không tham gia đánh bạc nên ngày 02/04/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho Nguyễn Đức K, Nguyễn Xuân S, Nguyễn Thị A và Nguyễn Khắc N là có căn cứ.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 322; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với Đỗ Văn T.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với Lê Văn P.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 36; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Trương Hải Đ, Nguyễn Bá K, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Bá Y, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Xuân Đ.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 36; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Bá K.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Xuân T, Nguyễn Xuân C.

- Tuyên bố:

+ Bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Gá bạc”.

+ Các bị cáo Trương Hải Đ, Nguyễn Bá K, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Ngọc B, Lê Văn P, Nguyễn Xuân C, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Bá Y, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Xuân T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

- Đỗ Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Được trừ 02 ngày tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Lê Văn P 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng, tính từ ngày tuyên án.

- Trương Hải Đ, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Khắc N mỗi bị cáo 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày cải tạo không giam giữ (quy đổi từ 02 ngày tạm giữ); còn phải chấp hành 17 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Bá K, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Bá Y, Nguyễn Xuân Đ mỗi bị cáo 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày cải tạo không giam giữ (quy đổi từ 02 ngày tạm giữ); còn phải chấp hành 14 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Trọng B, Nguyễn Ngọc B mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày cải tạo không giam giữ (quy đổi từ 02 ngày tạm giữ); còn phải chấp hành 11 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Xuân C, Nguyễn Xuân T mỗi bị cáo 20 (hai mươi) triệu đồng.

Thời hạn chấp hành án đối với Trương Hải Đ, Nguyễn Bá K, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Bá Y, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Xuân Đ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Giao Lê Văn P cho UBND xã A, huyện M, thành phố Hà Nội và gia đình các bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao Trương Hải Đ, Nguyễn Bá K, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Bá Y, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Xuân Đ cho UBND xã A, huyện M, thành phố Hà Nội và gia đình các bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị cắt tròn thu giữ khi bắt quả tang.

Tình trạng, số lượng và đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện M và Chi cục thi hành án dân sự huyện M ngày 09/05/2019.

+ Trả lại Nguyễn Xuân C 6.050.000 đồng, trả lại Nguyễn Bá Y 4.200.000 đồng.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 33.660.000 đồng các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc.

Tiền hiện đang tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M theo Ủy nhiệm chi số 18/2019 ngày 06/05/2019.

+ Buộc Đỗ Văn T phải nộp sung quỹ Nhà nước 300.000 đồng tiền thu lời bất chính.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Khoản 1 Điều 21, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện M;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện M;
- Cơ quan THAHS huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã A;
- UBND phường Y;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Hiệp